KẾ HOẠCH TUẦN 3

Chủ đề: Cỏ

(Tù Ngày (13/06 - 17/07/2026)

Giáo viên: Cô Hạnh - Cô Chi

	THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
BUỔI SÁNG	6:45 - 7:15	**Đón trẻ/ Trực nhật**				
	7:15 - 7:30	**Thể dục sáng**				
	8:00 - 8:15	**Sinh hoạt vòng tròn đầu ngày/ Điểm Danh** Tâm tưởng trong chai				
	8:15 - 8:45	**MTXH** Sáng tạo trò chơi từ cỏ	**Dinh Dưỡng** Làm bánh bơ đơn giản	**Công nghệ** Mô hình máy hút bụi	**HĐ với nước** Lướt trong nước P2	**Tiếng Việt** Làm quen chữ q
	8:45 - 9:00	**Uống sữa hoặc bổ sung trái cây**				
	9:00- 9:30	**Language & Expression** **Fresh Grass** grass, soil, tickly, be gentle, rip Review: wet/ dry, parts of a plant	**Song** **The More We Grow Together** fresh grass, soil, roots, water, sunlight, grow, soft, take care	**Life skill** **Gentle Hands With Nature** touch the plant gently, water the plant, do not stomp the flowerbeds, do not litter	**Steam** **Living things and Non-living things** living thing, non- living things	**Review** **Review all the learned content**
	9:30 - 10:00	**Playtime Activity 1** **Fresh Grass** grass, soil, tickly, soft, be gentle, rip Review: wet/ dry, parts of a plant	**Playtime Activity 2** **The More We Grow Together** touch the plant gently, water the plant, do not stomp the flowerbeds, do not litter	**Playtime Activity 3** **Gentle Hands With Nature** touch the plant gently, water the plant, do not stomp the flowerbeds, do not litter	**Playtime Activity 4** **Living things and Non-living things** living thing, non- living things	**Playtime Activity 5** **Review all the learned content**
	10:00 -10:30	**Số học** Ôn tập tách gộp trong phạm vi 10	**Toán - Logic** Xếp hình ngôi nhà nhiều tầng từ que	**LTNN** Sự đồngcảm (Tiết 2)	**Hình học** Ôn tập kích thước dày mỏng, to nhỏ	**Thuyết trình** Lợi ích của cỏ xanh
	10:45 -11:45	**Vệ sinh chuẩn bị giờ ăn - Ăn trưa - Vệ sinh chuẩn bị giờ ngủ**				
	11:45 -13:45	**Ngủ trưa**				
	13:45 -14:30	**Ăn Xế - Vận động theo nhạc - Vệ sinh cá nhân - Thay quần áo**				
BUỔI CHIỀU	14:30 - 15:00	**Language & Expression** **Fresh Grass** grass, soil, tickly, be gentle, rip	**Story** **The Tiny Seed** tiny seed, grow, tall flower, wind blows	**Life skill** **Gentle Hands With Nature** touch the plant gently, water the plant, do not stomp the flowerbeds, do not litter	**Steam** **Living things and Non-living things** living thing, non- living things	**Review** **Show and tell**
	15:00 - 15:30	**Rèn luyện thể chất** Thắt dây nút chịu kép	**Vận động tinh** Kéo băng keo	**HĐ với nước** Lướt trong nước	**Thủ công** Làm bụi cỏ xoắn	**Âm nhạc** Hòa tấu " HUNGARI DANCE NO 5" (Kẻng tam giác, trống lắc tay, stick, maracas)
	15:30- 16:00	**Điêu khắc** Khắc họa tiết cây cỏ lau	**Nặn** Nặn cây cỏ lau	**Kỹ năng sống** Biết xử lý khi bị say nắng	**Võ Nhạc** Phối hợp đòn đở trung đẳng với đăng sơn	**Sinh Hoạt cuối tuần**
	16:00- 16:30	**Trực nhật/ sắp xếp lớp học/ Sinh hoạt vòng tròn**				
	16:30 - 17:00	**Thủ tục chia tay cuối ngày / Trả trẻ / Học ngoài giờ**				